

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 27 – 12 - 2024

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dương
2. Ông Mai Đức Danh

- Thư ký phiên tòa bà: Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: TDP Thanh Đông, phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa

2. Bị đơn: Ông Trần Hùng V – Sinh năm 1962

Địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

3. Người làm chứng: Chị Trần Thị L

Địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 10/01/2024 (âm lịch), có vay của bà số tiền 200 triệu đồng, không tính lãi, hạn thời gian vay là 02 tháng từ ngày 10/01/2024 đến ngày 10/3/2024 âm lịch

sẽ trả lại số tiền vay cho bà. Mục đích vay để xây xưởng tôm. Khi vay thì ông V có viết giấy vay tiền cho bà.

Đến ngày 18/6/2024 âm lịch, ông V đã trả cho bà số tiền 150 triệu và nợ lại 50 triệu. Kể từ ngày 18/6/2024 âm lịch cho đến nay bà đã nhiều lần hỏi ông V nhưng ông V vẫn cố tình không trả cho bà và tuyên bố sẽ không trả nợ cho bà số tiền 50 triệu còn lại. Vì vậy bà đề nghị Tòa án yêu cầu ông V phải trả số tiền 50 triệu cho bà. Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, cũng như ý kiến trình về việc đơn kiện của ông Trần Hùng V có quan điểm như sau: Ông thừa nhận có vay của bà của bà T số tiền 200 triệu đồng tuy nhiên ông vay làm hai đợt: Đợt 1: Vay vào ngày 28/12/2020 âm lịch vay số tiền 150 triệu đồng; Đợt 2: Vay ngày 10/01/2024 âm lịch vay 50 triệu. Sau đó giữa ông và bà T thống nhất hủy giấy vay số tiền 150 triệu mà viết vào chung một giấy vay với số tiền 200 triệu đồng, với lãi xuất là 05 triệu đồng/200 triệu/ tháng, bà T nói không ghi tiền lãi vào giấy vay. Vay với thời hạn là 03 tháng, giấy vay tiền ghi ngày 10/01/2024 âm lịch tức ngày 19/02/2024 dương lịch.

Cũng trong thời gian này con gái ông là Trần Thị L có vay của bà T một số tiền vì ông thương con nên bán đất để trả nợ cho cháu. Tôi đưa cho con tôi 400 triệu trong đó trả cho bà T 200 triệu là tiền tôi nợ bà T. Việc cháu L trả cho bà T như thế nào ông không biết. Hiện tại ông không còn nợ tiền bà T.

Tại phiên hòa giải, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông V vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và thừa nhận trong thời gian vừa qua thì con dâu bà T có nhắn tin đòi ông trả số tiền 50 triệu còn thiếu cho bà T, ông có hứa trả nhưng đây là tiền ông trả thay cho con gái ông Trần Thị L.

Tại phiên tòa chị Trần Thị L khai: Chị thừa nhận có nhận từ bố chị là ông Trần Hùng V số tiền 400 triệu để trả tiền cho bà T. Khi đưa bố chị có nói phải trả cho bà T số tiền bố nợ bà T là 200 triệu, còn lại 200 triệu thì trả số tiền chị đang nợ bà T. Do chị nợ bà T 250 triệu nên khi trả tiền cho bà T, bà T bắt chị trả hết số tiền chị nợ là 250 triệu và trả cho bố chị là 150 triệu để bố chị còn nợ lại bà T 50 triệu. Vì vậy mới ép chị viết vào giấy là trả cho bà T 150 triệu còn nợ lại 50 triệu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. **Bị đơn thừa nhận đang còn nợ lại bà T số tiền 50 triệu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Trần Hùng V trả nợ số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã N, Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ vì vậy không thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T đều có mặt và bà đề nghị HĐXX chấm dứt việc bà ủy quyền lại cho con dâu bà là chị Nguyễn Thị X, tại phiên tòa chị X cũng đồng ý chấm dứt là người đại diện theo ủy quyền cho bà T. Xét thấy đây là ý chí của bà T nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 140 BLDS chấp nhận đề nghị của bà T và chị X.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu đòi nợ gốc:

Các bên đương sự đều thống nhất ông Trần Hùng V có vay của bà T số tiền 200 triệu đồng, hai bên có viết giấy vay tiền vào ngày 10/01/2024 âm lịch. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông V cho rằng ông vay bà T làm hai lần tiền và khi vay có thỏa thuận lãi xuất là 05 triệu đồng/ 200 triệu/ tháng, tuy nhiên bà T không thừa nhận điều này. Ngoài lời khai trên ông V cũng không xuất trình thêm được chứng cứ nào về việc khi vay có thỏa thuận lãi xuất nên không có cơ sở cho HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra ông V cho rằng ông đã trả hết số tiền vay cho bà T thông qua con gái ông là Trần Thị L vì vậy ông không còn nợ bà T số tiền 50 triệu đồng như bà T khởi kiện ông. Lời khai của chị L tại phiên tòa khẳng định do chị còn nợ bà T 250 triệu đồng nên khi ông V đưa cho chị 400 triệu để trả cho bà T thì bà Thanh trừ nợ của chị 250 triệu và của bố chị 150 triệu nên mới dẫn đến việc bố chị còn nợ lại bà T 50 triệu.

Tại phiên tòa ông V cũng thừa nhận do ông không trực tiếp đưa tiền cho bà T nên mới dẫn đến sự việc như con gái ông trình bày. Ông thừa nhận con nợ lại bà T số tiền 50 triệu đồng.

Xét thấy tại phiên tòa ông V đã thừa nhận việc còn nợ lại bà T số tiền 50 triệu đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS. Vì vậy là cơ sở nguồn chứng cứ xác định ông Trần Hùng V còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 50 triệu đồng vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật nhưng ông V thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 140, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Hùng V phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 50 triệu đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002877, ngày 03/10/2024 của chi cục THADS Thị xã N, Thanh Hóa.

- Ông Trần Hùng V được miễn tiền án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo **Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TX. Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX. Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc

